

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7.02**

**Căn cứ:**

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 7.02.

**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1:** Thông qua báo cáo của HĐQT về tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017, với một số chỉ tiêu chủ yếu sau:

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2017		
			KH (đ/c)	TH	Tỷ lệ %
<b>A</b>	<b>Kế hoạch SXKD</b>				
<b>I</b>	<b>Tổng giá trị SXKD</b>	10 <sup>3</sup> đ	-1.308.998	2.617.409	
	<i>Giá trị xây lắp</i>	10 <sup>3</sup> đ	0	0	
	<i>Giá trị ngoài xây lắp và KD khác</i>	10 <sup>3</sup> đ	-1.308.998	2.617.409	
<b>II</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	10 <sup>3</sup> đ	6.193.545	10.445.830	168,7
	<i>Giá trị xây lắp</i>	10 <sup>3</sup> đ	0	0	
	<i>Giá trị ngoài xây lắp và KD khác</i>	10 <sup>3</sup> đ	0	0	
<b>III</b>	<b>Lao động và tiền lương</b>				
-	<i>Tổng số CBCNV bình quân</i>	Người	19	37	
-	<i>Tiền lương bq CBCNV/tháng/người</i>	10 <sup>3</sup> đ	12.205	9.766	80,05
<b>IV</b>	<b>Các khoản nộp Nhà nước</b>	10 <sup>3</sup> đ	-3.198.683	4.026.456	

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2017		
			KH (đ/c)	TH	Tỷ lệ %
V	Lợi nhuận	10 <sup>3</sup> đ	-5.212.018	-1.149.532	22,1
B	Giá trị đầu tư	10 <sup>3</sup> đ	157.776.159	122.399.472	77,6
-	<i>Dự án thủy điện Nậm Thi 1</i>	10 <sup>3</sup> đ	13.042.138	196.267	1,5
	<i>Chi phí tư vấn, khảo sát</i>		5.396.627	196.267	
	<i>Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng</i>		7.645.511		
-	<i>Dự án thủy điện Nậm Thi 2</i>	10 <sup>3</sup> đ	144.734.021	122.203.206	84,4
	<i>Chi phí tư vấn, khảo sát</i>		760.000	3.074.277	
	<i>Chi phí quản lý dự án</i>		4.535.294	3.296.641	
	<i>Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng</i>		1.000.000	2.794.426	
	<i>Chi phí xây dựng</i>		68.878.870	56.219.464	
	<i>Chi phí thiết bị</i>		60.081.286	49.261.015	
	<i>Chi phí lãi vay</i>		9.478.571	5.193.883	
	<i>Chi phí khác</i>			2.363.500	
C	Giá trị giải ngân	10 <sup>3</sup> đ	110.443.311	98.282.232	89,0
D	Chi phí quản lý doanh nghiệp	10 <sup>3</sup> đ	4.426.710	4.009.926	90,6
-	<i>Chi phí tiền lương và BHXH</i>	10 <sup>3</sup> đ	2.900.714	2.912.707	
-	<i>Chi phí vật liệu quản lý</i>	10 <sup>3</sup> đ	269.705	277.412	
-	<i>Chi phí đồ dùng văn phòng</i>	10 <sup>3</sup> đ	58.200	45.109	
-	<i>Thuế và lệ phí</i>	10 <sup>3</sup> đ	99.786	130.836	
-	<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>	10 <sup>3</sup> đ	396.410	254.477	
-	<i>Chi bằng tiền khác</i>	10 <sup>3</sup> đ	710.895	389.386	
E	Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ	10 <sup>3</sup> đ	0	0	

Biểu quyết nhất trí thông qua với 10.293.752 cổ phần, đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

**Điều 2: Thông qua báo cáo tình hình thực hiện đầu tư DA thủy điện Nậm Thi 2.****1. Tình hình thực hiện đầu tư dự án đến hết quý 4/2017:**

. Một số chỉ tiêu chủ yếu:

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	TMĐT (ĐC)	Lũy kế đến 31/12/2017	Tỷ lệ %
<b>A</b>	<b>Giá trị TMĐT điều chỉnh (2016)</b>	<b>10<sup>3</sup>đ</b>	<b>263.166.843</b>		
-	Giá trị trước thuế	10 <sup>3</sup> đ	241.896.390		
-	Thuế VAT	10 <sup>3</sup> đ	21.270.450		
<b>B</b>	<b>Phân bổ vốn theo TMĐT</b>	<b>10<sup>3</sup>đ</b>	<b>241.896.390</b>		
-	Vốn dự kiến vay NH (70%)	10 <sup>3</sup> đ	169.327.473		
-	Vốn tự có của CĐT (30%)	10 <sup>3</sup> đ	72.568.917		
<b>C</b>	<b>Giá trị đầu tư</b>	<b>10<sup>3</sup>đ</b>	<b>263.166.843</b>	<b>207.119.092</b>	<b>80%</b>
-	Chi phí tư vấn và khảo sát	10 <sup>3</sup> đ	16.682.863	12.077.832	
-	Chi phí quản lý dự án	10 <sup>3</sup> đ	7.918.727	10.507.228	
-	Chi phí đền bù GPMB	10 <sup>3</sup> đ	7.977.000	8.929.172	
-	Chi phí xây dựng	10 <sup>3</sup> đ	121.230.927	112.251.057	
-	Chi phí thiết bị	10 <sup>3</sup> đ	78.863.645	51.273.515	
-	Chi phí lãi vay	10 <sup>3</sup> đ	12.343.048	8.572.477	
-	Chi phí khác	10 <sup>3</sup> đ	8.423.409	3.507.813	
-	Chi phí dự phòng	10 <sup>3</sup> đ	9.727.226		
<b>D</b>	<b>Giá trị giải ngân thanh toán</b>	<b>1+2</b>	<b>241.896.390</b>	<b>159.590.282</b>	<b>67%</b>
1	Vốn vay ngân hàng	10 <sup>3</sup> đ	169.327.473	96.361.952	
2	Vốn tự có của Chủ đầu tư	10 <sup>3</sup> đ	72.568.917	63.228.329	

**2. Kế hoạch thực hiện đến khi hoàn thành dự án:**

Một số chỉ tiêu chủ yếu:

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH	GHI CHÚ
<b>A</b>	<b>Giá trị đầu tư</b>	<b>10<sup>3</sup>đ</b>	<b>73.747.670</b>	
-	Chi phí tư vấn và khảo sát	10 <sup>3</sup> đ	315.000	
-	Chi phí quản lý dự án	10 <sup>3</sup> đ	1.752.293	
-	Chi phí đền bù GPMB	10 <sup>3</sup> đ	1.572.171	
-	Chi phí xây dựng	10 <sup>3</sup> đ	28.247.222	
-	Chi phí thiết bị	10 <sup>3</sup> đ	32.449.529	

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH	GHI CHÚ
-	Chi phí lãi vay	10 <sup>3</sup> đ	6.748.455	
-	Chi phí khác	10 <sup>3</sup> đ	2.663.000	
-	Chi phí dự phòng	10 <sup>3</sup> đ		
<b>E</b>	<b>Số vốn cần có để tiếp tục đầu tư</b>	<b>1+2</b>	<b>92.655.636</b>	
1	Vốn vay ngân hàng	10 <sup>3</sup> đ	72.638.047	
2	Vốn tự có của Chủ đầu tư	10 <sup>3</sup> đ	20.017.589	

Biểu quyết nhất trí thông qua với 10.293.752 cổ phần, đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

**Điều 3: Thông qua báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán và phương án phân phối lợi nhuận.**

- Đại hội đã nhất trí thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC số: 260318.015/BCTC.KT5 ngày 26 tháng 03 năm 2018 như sau:

* Tổng tài sản tính đến 31/12/2017:	<b>237.871.266.703</b> đồng.
+ Tài sản ngắn hạn:	94.610.177.466 đồng.
+ Tài sản dài hạn:	143.261.089.237 đồng.
* Tổng nguồn vốn tính đến 31/12/2017:	<b>237.871.266.703</b> đồng.
+ Nợ phải trả:	123.131.296.317 đồng.
+ Vốn chủ sở hữu:	114.739.970.386 đồng.

Đại hội thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty Kiểm toán được UBCK Nhà nước chấp thuận để thực hiện Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018.

Biểu quyết nhất trí thông qua với 10.293.752 cổ phần, đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

**Điều 4: Báo cáo phương án phân chia lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2017:**

- Phương án phân phối lợi nhuận:

Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm 31/12/2017(lỗ): - 1.149.532.521 đồng

Do lợi nhuận năm 2017 (-) vì vậy phân lợi nhuận năm 2017 bằng không.

Biểu quyết nhất trí thông qua với 10.293.752 cổ phần, đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

**Điều 5: Phê duyệt kế hoạch năm 2018 như sau:**

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch năm 2018
<b>A</b>	<b>Tổng chi phí SXKD</b>	<b>10<sup>3</sup>đ</b>	<b>22.532.402</b>
1	Chi phí kinh doanh bán điện thương phẩm	10 <sup>3</sup> đ	22.532.402
<b>B</b>	<b>Kế hoạch Tài chính</b>		

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch năm 2018
1	Doanh thu bán điện thương phẩm	10 <sup>3</sup> đ	16.400.311
2	Lợi nhuận	10 <sup>3</sup> đ	-6.132.000
3	Các khoản nộp Nhà nước	10 <sup>3</sup> đ	1.490.937
<b>C</b>	<b>Kế hoạch đầu tư (I + II)</b>	<b>10<sup>3</sup>đ</b>	<b>82.449.457</b>
<b>I</b>	<b>Dự án thủy điện Nậm Thi 1</b>	<b>10<sup>3</sup>đ</b>	<b>13.269.511</b>
1	Chi phí tư vấn, khảo sát	10 <sup>3</sup> đ	1.624.000
2	Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	10 <sup>3</sup> đ	1.645.511
3	Chi phí xây dựng	10 <sup>3</sup> đ	10.000.000
<b>II</b>	<b>Dự án thủy điện Nậm Thi 2</b>	<b>10<sup>3</sup>đ</b>	<b>69.179.946</b>
1	Chi phí tư vấn, khảo sát	10 <sup>3</sup> đ	0
2	Chi phí quản lý dự án	10 <sup>3</sup> đ	5.210.138
3	Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng*	10 <sup>3</sup> đ	700.000
4	Chi phí xây dựng	10 <sup>3</sup> đ	25.775.083
5	Chi phí thiết bị	10 <sup>3</sup> đ	29.942.931
6	Chi phí lãi vay	10 <sup>3</sup> đ	5.373.794
7	Chi phí khác	10 <sup>3</sup> đ	2.478.000
<b>D</b>	<b>Kế hoạch giải ngân</b>	<b>10<sup>3</sup>đ</b>	<b>82.343.957</b>
<b>E</b>	<b>Kế hoạch chi phí quản lý</b>	<b>10<sup>3</sup>đ</b>	<b>5.210.138</b>
	<i>Chi phí tiền lương và BHXH</i>	<i>10<sup>3</sup>đ</i>	<i>3.165.393</i>
	<i>Chi phí vật liệu quản lý</i>	<i>10<sup>3</sup>đ</i>	<i>250.390</i>
	<i>Chi phí đồ dùng văn phòng</i>	<i>10<sup>3</sup>đ</i>	<i>83.050</i>
	<i>Thuế và lệ phí</i>	<i>10<sup>3</sup>đ</i>	<i>244.000</i>
	<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>	<i>10<sup>3</sup>đ</i>	<i>278.510</i>
	<i>Chi bằng tiền khác</i>	<i>10<sup>3</sup>đ</i>	<i>1.188.795</i>
<b>F</b>	<b>Lao động và tiền lương</b>		
-	Tổng số CBCNV	Người	45
-	Tiền lương bq CBCNV/tháng/người	10 <sup>3</sup> đ	12.500

14  
 TỶ  
 AN  
 17  
 T.1

*Biểu quyết nhất trí thông qua với 10.293.752 cổ phần, đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

**Điều 6: Phương án tăng vốn điều lệ:**

Do điều kiện thực tế của Công ty cổ phần Sông Đà 7.02 và các quy định của Luật chứng khoán do vậy Công ty chỉ được tăng vốn theo phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ

**1. Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông

**2. Mệnh giá cổ phiếu:** 10.000 đồng/cổ phần

**3. Giá chào bán:** Theo giá thị trường của cổ phiếu S72

**4. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành:** 6.300.000 ( Sáu triệu ba trăm nghìn ) cổ phiếu

**5. Tổng giá trị dự kiến phát hành:** 63.000.000.000 đồng ( Sáu mươi ba tỷ đồng )

**6. Đối tượng phát hành:** Cổ phần chào bán trong đợt phát hành riêng lẻ này sẽ được chào bán cho dưới 100 nhà đầu tư thuộc các đối tượng sau

- Các cổ đông chiến lược, các cán bộ chủ chốt của Công ty, CBCNV trong Công ty, các cổ đông hiện hữu của Công ty có nhu cầu.

- Các nhà đầu tư khác được lựa chọn trên cơ sở thỏa mãn một hoặc một số tiêu chí sau:

+ Các nhà đầu tư bày tỏ thiện chí hợp tác trong quá trình đàm phán việc mua bán cổ phiếu, đồng thời có năng lực tài chính, đảm bảo sẽ thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo quy định;

+ Các nhà đầu tư có chiến lược và văn hóa kinh doanh phù hợp, không có xung đột về lợi ích với chiến lược phát triển của Công ty và thể hiện cam kết gắn bó lợi ích với sự phát triển của Công ty;

+ Các nhà đầu tư có đóng góp quan trọng vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**7. Phương thức phát hành:** Chào bán riêng lẻ (dưới 100 nhà đầu tư)

**8. Xử lý số cổ phiếu không phân phối hết phát sinh (nếu có)**

Trường hợp kết thúc đợt chào bán, số lượng cổ phiếu không được các nhà đầu tư dự kiến đăng ký mua hết (nếu có) HĐQT sẽ điều chỉnh giảm tổng số lượng cổ phần phát hành theo đúng số lượng cổ phiếu thực tế đã được phân phối trong đợt phát hành.

**9. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu**

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu, dự kiến là 63.000.000.000 đồng sẽ được sử dụng đầu tư xây dựng dự án thủy điện Nậm Thi 1.

**10. Thời gian thực hiện dự kiến:** Quý 4/2018 hoặc Quý I/2019

**11. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị**

DHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT Công ty lựa chọn thời điểm thực hiện kế hoạch tăng vốn, lựa chọn danh sách các nhà đầu tư, phân phối số lượng cổ phần cho các cổ đông và thực hiện các công việc cần thiết nhằm triển khai thực hiện, đảm bảo lợi ích của các cổ đông, của Công ty và phù hợp với quy định của pháp luật.

*Biểu quyết nhất trí thông qua với 10.293.752 cổ phần, đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

**Điều 7: Thông qua mức chi trả thù lao HĐQT, BKS và thư ký năm 2017, phương án chi trả thù lao của HĐQT, BKS và thư ký năm 2018:**

1/ Việc chi trả tiền thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thư ký HĐQT công ty năm 2017 dự kiến là:

TT	Tiền lương, thù lao khoán trong năm	Số người	Thành tiền (VNĐ)
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	01	24.000.000
2	Thành viên HĐQT	02	36.000.000
3	Trưởng Ban kiểm soát	01	18.000.000
4	Thành viên Ban kiểm soát	02	24.000.000
5	Thư ký	01	12.000.000
	<b>Tổng cộng:</b>		<b>114.000.000</b>

**2/ Phương án chi trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát, thư ký HĐQT Công ty năm 2018.**

Năm 2018 Công ty chủ yếu tập trung triển khai đầu tư xây dựng hoàn thành dự án nhà máy thủy điện Nậm Thi 2 và tiếp tục xúc tiến các công việc tiếp theo cho công tác đầu tư dự án thủy điện Nậm Thi I, do vậy dựa trên chỉ tiêu hoàn thành kế hoạch tiến độ của dự án xây dựng phương án chi trả thù lao như sau:

**a) Hoàn thành đúng tiến độ và các chỉ tiêu kế hoạch của dự án:**

- Mức thù lao đối với Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm là: 3.000.000đ/người/tháng
- Mức thù lao đối với Thành viên HĐQT, Trưởng BKS là : 2.000.000đ/người/tháng
- Mức thù lao đối với Thành viên BKS, thư ký HĐQT là: 1.500.000đ/người/tháng

**b) Hoàn thành 80% tiến độ và các chỉ tiêu kế hoạch của dự án:**

- Mức thù lao đối với Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm là: 2.000.000đ/người/tháng
- Mức thù lao đối với Thành viên HĐQT, Trưởng BKS là : 1.500.000đ/người/tháng
- Mức thù lao đối với Thành viên BKS, thư ký HĐQT là: 1.000.000đ/người/tháng

**c) Hoàn thành <80% tiến độ và các chỉ tiêu kế hoạch của dự án:**

- Mức thù lao đối với Chủ tịch kiêm nhiệm là: 1.500.000đ/người/tháng
- Mức thù lao đối với Thành viên HĐQT, Trưởng BKS là : 1.000.000đ/người/tháng
- Mức thù lao đối với Thành viên BKS, thư ký HĐQT là: 500.000đ/người/tháng

**d) Khi dự án hoàn thành vượt tiến độ và các chỉ tiêu kế hoạch:** Công ty sẽ trình Đại hội cổ đông phương án chi trả bổ xung mức thù lao trong năm và có kế hoạch khen thưởng cho Ban lãnh đạo Công ty.

**Ghi chú:**

- Điều kiện hưởng thù lao: Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- Phương thức thanh toán thù lao:
  - + Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát, thư ký HĐQT được trả theo quý và hạch toán vào chi phí quản lý Công ty.
  - + Cuối năm căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành kế hoạch tiến độ của dự án và các chỉ tiêu kế hoạch trong năm của Công ty để quyết toán mức chi trả thù lao cả năm.

*Biểu quyết nhất trí thông qua với 10.293.752 cổ phần, đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

**Điều 8:** Báo cáo hoạt động và thẩm định của Ban kiểm soát về công tác quản lý Công ty của HĐQT và Tổng giám đốc Công ty năm 2017.

*Biểu quyết nhất trí thông qua với 10.293.752 cổ phần, đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

**Điều 9:** Thông qua Báo cáo sửa đổi bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty theo tờ trình số 07/TTr-HĐQT ngày 07/05/2018 (có chi tiết kèm theo).

*Biểu quyết nhất trí thông qua với 10.293.752 cổ phần, đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

**Điều 10:** Phê duyệt quy chế nội bộ về quản trị công ty

Nội dung bản dự thảo quy chế nội bộ về quản trị công ty theo tờ trình số 08/TTr - S72 - HĐQT ngày 07/05/2018 của Hội đồng quản trị (có chi tiết kèm theo)

*Biểu quyết nhất trí thông qua với 10.293.752 cổ phần, đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

**Điều 11:** Ủy quyền cho HĐQT phê duyệt các nội dung:

- Lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2018.

*Biểu quyết nhất trí thông qua với 10.293.752 cổ phần, đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

- Xem xét tình hình thực tế nhiệm vụ sản xuất kinh doanh để điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 cho phù hợp với thực tế (nếu có sự thay đổi)

*Biểu quyết nhất trí thông qua với 10.293.752 cổ phần, đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

**Điều 12:** Điều khoản thi hành

Các ông Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và các cổ đông của Công ty cổ phần Sông Đà 7.02 có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này theo đúng chức năng nhiệm vụ hoạt động của mình, theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty cổ phần Sông Đà 7.02.

**Nơi nhận:**

- Như điều 12
- Các cổ đông
- Website Công ty
- Lưu VP/HĐQT

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA-CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Văn Bút